

QUÁ TRÌNH TIẾP NHẬN THIÊN VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY Ở TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ XVII ĐẾN THẾ KỈ XVIII

Nhận bài:

28 – 08 – 2019

Chấp nhận đăng:

07 – 10 – 2019

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Trương Anh Thuận

Tóm tắt: Từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XVIII, với nỗ lực đưa Thiên Chúa giáo du nhập và phát triển ở Trung Quốc, các giáo sĩ phương Tây, đặc biệt là thừa sai dòng Tên đã tìm ra một phương cách hữu hiệu, nhằm hiện thực hóa mục đích này. Đó chính là sử dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật châu Âu, để thỏa mãn sự hiếu kì cũng như mong muốn tìm hiểu những kiến thức mới lạ của vua chúa, quan lại và trí thức ở Trung Quốc, từ đó hi vọng sẽ lôi cuốn thành công các lực lượng xã hội nói trên theo đạo. Chính điều này đã tạo ra một hiện tượng độc đáo: Thiên Chúa giáo dần dần du nhập vào Trung Quốc và song hành với đó là quá trình tiếp nhận các thành tựu khoa học kĩ thuật phương Tây tại hai nước này. Trong đó, thiên văn học là một trong những lĩnh vực tiêu biểu nhất. Trên cơ sở khai thác nguồn sử liệu gốc và các thành quả nghiên cứu của giới học giả Trung Quốc cũng như trên thế giới, đồng thời kết hợp vận dụng hệ thống phương pháp nghiên cứu của khoa học Lịch sử với các phương pháp khác, bài viết bước đầu làm rõ quá trình tiếp nhận thiên văn học phương Tây ở Trung Quốc từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XVIII, đóng góp nhất định đối với việc nghiên cứu lịch sử giao lưu văn hóa Đông - Tây ở Trung Quốc trong các thế kỉ XVII, XVIII.

Từ khóa: thiên văn học; phương Tây; Trung Quốc; Thiên Chúa giáo; dòng Tên; truyền giáo; giáo sĩ.

1. Mở đầu

Trong các thế kỉ XVII - XVIII, sự có mặt của các nhà truyền giáo phương Tây, đặc biệt là thừa sai dòng Tên tại các xứ sở xa xôi thuộc khu vực Viễn Đông nói chung và Trung Quốc nói riêng đã tạo ra một sự chuyển biến lớn, không chỉ đối với công cuộc loan báo Tin Mừng mà còn cả trong lĩnh vực giao lưu văn hóa Đông - Tây đương thời. Việc đề ra và vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo phương thức “*học thuật truyền giáo*”¹ đã không những giúp cho các thừa sai dòng Tên gặt hái được nhiều thành công trong quá trình thực hiện mục tiêu “*Thiên Chúa giáo hóa*” quốc gia này, mà thông qua đó, không ít thành tựu khoa học

được giới nghiên cứu ở Trung Quốc dùng chỉ cho việc các giáo sĩ Dòng Tên sử dụng các thành tựu văn hóa và khoa học của phương Tây như Thiên văn, Địa lí, Toán học, Vật lí, Hóa học, Quân khí, Hội họa, Văn chương để thu hút các giai tầng trong xã hội Trung Quốc, đặc biệt là tầng lớp thượng lưu theo đạo ở các thế kỉ XVI, XVII. Theo học giả Sử Tịnh Hoàn 史静寰, người khởi xướng cho phương thức truyền giáo này chính là giáo sĩ Dòng Tên Francois Xavier - nhà truyền giáo tiên khu của khu vực Viễn Đông ở nửa đầu thế kỉ XVI. Từ cuối thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XVII, “truyền giáo học thuật” tiếp tục được các giáo sĩ Dòng Tên, tiêu biểu là Matteo Ricci, Michele Ruggieri kế thừa và vận dụng một cách triệt để, khiến cho công cuộc truyền bá Thiên Chúa giáo ở Trung Quốc thu được những thành tựu to lớn [12, tr.74-75], [6, tr.130-135].

kĩ thuật phương Tây, trong đó có thiên văn học đã từng bước du nhập vào Trung Quốc và được các giai tầng trong xã hội nước này, đặc biệt là vua chúa, quan lại và trí thức tiếp nhận. Trên thực tế, kết quả tiếp nhận thiên văn học phương Tây ở Trung Quốc trong giai đoạn này được biểu hiện trên ba phương diện sau đây.

¹“Học thuật truyền giáo 学术传教” là một thuật ngữ

* Tác giả liên hệ

Trương Anh Thuận

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng

Email: tathuan@ued.udn.vn

2. Nội dung

2.1. Sửa chữa và biên soạn lịch thư

Vào cuối thời Minh (đầu thế kỉ XVII), trước sự du nhập của thiên văn, lịch toán phương Tây gắn liền với quá trình truyền bá Thiên Chúa giáo vào Trung Quốc của các thừa sai dòng Tên, đã có không ít quan lại, trí thức đương thời bị thu hút bởi những kiến thức thiên văn mới mẽ có nguồn gốc từ châu Âu này. Trong đó, Lý Chi Tảo 李之藻, Từ Quang Khải 徐光启 là hai cái tên được nhắc nhở đến đầu tiên [7, tr.321]. Nhận thấy tính chất tiên tiến của thiên văn học phương Tây so với nền tảng thiên văn truyền thống của người Trung Quốc thời bấy giờ, họ đã không ngừng dâng sớ thỉnh cầu hoàng đế triều Minh chuẩn y việc thành lập một cơ quan chuyên trách và sử dụng phương pháp của người phương Tây để sửa chữa lịch Đại Thống 大统历 đang được lưu hành đương thời vốn tồn tại nhiều sai sót [2, tr.179], [16, tr.424]. Việc này sau đó cũng đã được Sùng Trinh 崇禎 - vị vua cuối cùng của triều Minh đồng ý. Năm 1629, Lịch cục 历局 được thành lập, sử dụng một số nhà truyền giáo dòng Tên¹ vào việc sửa chữa lịch Đại Thống.

¹Khi Lịch cục được thành lập vào năm 1629, tham gia công việc sửa chữa lịch thư tại đây có hai giáo sĩ dòng Tên là Niccolo Longobardi và Johann Schreck. Tuy nhiên, do thừa sai Niccolo Longobardi chú tâm nhiều hơn đến việc truyền giáo, nên trên thực tế, công việc sửa chữa lịch thư được đặt lên vai thừa sai Johann Schreck. Sau khi Johann Schreck qua đời (1630), hai vị thừa sai dòng Tên khác là Johann Adam Schall von Bell và Giacomo Rho tiếp tục công việc sửa chữa lịch thư tại đây. Như vậy, từ năm 1629 cho đến năm 1634 – Thời điểm hoàn thành việc sửa chữa lịch Đại Thống, có tổng cộng bốn giáo sĩ dòng Tên làm việc tại Lịch cục [14, tr.343-344, 427-428], [13, tr.122-123].

Với sự nỗ lực không ngừng của các giáo sĩ cũng như một số nhà thiên văn Trung Quốc am hiểu lịch toán phương Tây, đến năm 1634, bộ lịch thư sửa chữa theo phương pháp phương Tây đã hoàn thành và được gọi là Sùng Chính lịch thư 崇禎历书. Có thể nói rằng, đây là một bộ bách khoa toàn thư giới thiệu về thiên văn học phương Tây đương thời ở Trung Quốc. Trong đó, phần thứ nhất của bộ lịch trình bày các lí luận thiên văn học

phương Tây. Phần thứ hai bao gồm các bảng biểu thiên văn được tính toán và biên soạn trên cơ sở các lí luận thiên văn ở phần thứ nhất. Với Sùng Trinh lịch thư, lần đầu tiên lí luận về hệ vũ trụ do nhà thiên văn học Đan Mạch Tycho Brahe³ vạch ra được truyền vào Trung Quốc. Bên cạnh đó, các tri thức liên quan đến hành tinh của chúng ta như trái đất hình tròn, kinh độ, vĩ độ của trái đất cùng với các phương pháp tính toán, đo đạc nó cũng thông qua Sùng Trinh lịch thư mà được người Trung Quốc tiếp nhận, góp phần đưa nền thiên văn học nước này đi vào con đường phát triển chung của thiên văn học thế giới thời bấy giờ. Đặc biệt, đương thời các kiến thức thiên văn phương Tây trong Sùng Trinh lịch thư còn được Từ Quang Khải - Người đứng đầu Lịch cục giảng dạy cho lực lượng thiên văn sinh tại Khâm Thiên giám 钦天监 triều Minh, với mục đích trang bị cho họ nguyên lí và phương pháp tính toán lịch pháp phương Tây [14, tr.374].

Tuy nhiên, khi bộ lịch thư này chưa kịp đưa vào sử dụng trong thực tế, để mang lại triển vọng tốt đẹp cho công cuộc truyền giáo, như kì vọng của các thừa sai dòng Tên, thì biến cố chính trị “*cải triều hoán đạ*” ập đến, triều Minh sụp đổ, người Mãn Thanh vào thống trị Trung Quốc năm 1644. Sự kiện đó đã như một dòng thác lũ cuốn phăng tất cả những gì các nhà truyền giáo dòng Tên vừa mới xây đắp nên trước đó bằng tri thức

³Lí luận về hệ vũ trụ mà nhà thiên văn học Đan Mạch Tycho Brahe đưa ra còn có tên gọi là “nhật tâm địa lí”. Trong đó, ông cho rằng, Mặt Trời và Mặt Trăng quay quanh Trái Đất, còn mọi hành tinh khác thì quay quanh Mặt Trời [4, tr.134].

thiên văn học. Trong bối cảnh như vậy, giáo sĩ Johann Adam Schall von Bell - một trong những người giữ vai trò quan trọng, trực tiếp phụ trách công việc sửa chữa lịch thư giai đoạn cuối triều Minh cùng với các giáo sĩ dòng Tên khác đã quyết định đi một nước cờ táo bạo và mạo hiểm, đó là tiếp tục sử dụng kiến thức thiên văn phương Tây và thông qua việc sửa chữa, biên soạn lịch thư để tiếp cận với triều Thanh - Vương triều vừa mới được dựng lên từ khói lửa chiến trận và còn mang trong lòng sự hoài nghi đối với tất cả những gì liên quan đến

triều Minh, nhằm tìm kiếm cơ hội dù là nhỏ nhất để được lưu lại Trung Quốc tiếp tục công việc rao giảng Phúc Âm. Năm sau (1645), giáo sĩ Johann Adam Schall von Bell đã dâng lên Thanh triều bộ Tây dương tân pháp lịch thư 西洋新法历书[18, tr.4], còn gọi là Thời Hiến lịch 时宪历, trên cơ sở giản lược và thu nhỏ quy mô của bộ Sùng Chính lịch thư được biên soạn ở giai đoạn cuối triều Minh. Công trình này ngoài ý nghĩa giúp người Trung Quốc tiếp cận được lí luận thiên văn học, phương pháp tính toán cũng như hệ thống tri thức liên quan đến các dụng cụ thiên văn của phương Tây đương thời, thì còn được đánh giá là thành quả của sự hợp tác biên dịch tác phẩm thiên văn học phương Tây giữa các thừa sai dòng Tên, đứng đầu là Johann Adam Schall von Bell với các nhà thiên văn Trung Quốc, mà thông qua đó, người Trung Quốc đã học được phương pháp tính lịch của Tây dương, chính xác hơn cách tính truyền thống. Sau đó, trong thế kỉ XVIII, sự ra đời của một loạt các công trình lịch pháp - thiên văn khác dưới thời Thanh như Lịch tượng khảo thành 歷象考成, Lịch tượng khảo thành hậu biên 歷象考成后編 chính là những minh chứng tiêu biểu cho thấy ảnh hưởng ngày càng sâu sắc của nền thiên văn học phương Tây đối với Trung Quốc. Trên thực tế, các công trình lịch thư kể trên đều do các giáo sĩ phương Tây làm việc tại Khâm Thiên giám thời bấy giờ chủ trì và tham gia biên soạn⁴.

⁴Lịch tượng khảo thành 歷象考成 và Lịch tượng khảo thành hậu biên 歷象考成后編 đều do hai giáo sĩ dòng Tên là Ignaz Kögler và André Pereira chủ trì biên soạn, chỉnh sửa [10, tr.647-653].

2.2. Thiết kế, chế tạo, cải tiến dụng cụ thiên văn cũng như lập và sửa chữa các bảng sao

Ở giai đoạn cuối triều Minh, nhận thấy sự cần thiết của các công cụ thiên văn phương Tây đối với hoạt động quan trắc thiên văn, thiên tượng, nhằm phục vụ cho việc tính toán và biên soạn lịch thư, Từ Quang Khải - vị đại thần được vua Sùng Trinh giao coi quản công việc ở Lịch cục thời bấy giờ, đã từng hai lần dâng sớ vào tháng 7 và tháng 9 năm 1629, thỉnh cầu chuẩn y

việc chế tạo mới một số khí cụ thiên văn phương Tây mà người Trung Quốc chưa từng biết đến trước đó như Tượng hạn nghi (Quadrant), Kỉ hạn nghi (Sextant), Tinh bàn (Astrolabe), Thiên cầu nghi (Celestial globe), Địa cầu nghi (Terrestrial globe), Nhật quỹ (Sun-dial), Tinh quỹ (Star-dial), Viễn vọng kính (Telescope) [14, tr. 336, tr. 341-342]. Sau đó, việc thiết kế và chế tạo các dụng cụ thiên văn trên được giao cho các thừa sai Johann Schreck, Johann Adam Schall von Bell, Giacomo Rho phụ trách, và đến năm 1634, cùng với việc hoàn thành sửa chữa lịch thư thì các dụng cụ thiên văn này cũng được chế tạo xong [16, tr.436]. Đặc biệt, sự du nhập của kính viễn vọng vào Trung Quốc, thông qua hoạt động chế tạo của các thừa sai dòng Tên trong giai đoạn này đã hỗ trợ đắc lực cho công việc quan trắc, nghiệm chứng nhật thực, nguyệt thực của các quan lại người Trung Quốc làm việc tại Khâm Thiên giám triều Minh. Không chỉ thiết kế, chế tạo, các nhà truyền giáo dòng Tên còn đưa một số thông tin liên quan đến các dụng cụ thiên văn kể trên, như kiểu dáng, kích cỡ, kết cấu, công dụng vào trong nội dung của bộ Sùng Trinh lịch thư - tài liệu chủ yếu để các học giả Trung Quốc học tập và nghiên cứu thiên văn học phương Tây thời bấy giờ [13, tr.123]. Chính điều đó đã khiến cho các thành tựu thiên văn phương Tây càng có điều kiện được giới Nho sĩ tri thức trong xã hội Trung Quốc đương thời tiếp nhận.

Sang giai đoạn nhà Thanh, năm 1673, giáo sĩ người Bỉ Ferdinand Verbiest đã giúp Khâm Thiên giám vương triều này chế tạo thành công 6 nghi khí thiên văn, gồm Xích đạo kinh vĩ nghi (Equatorial armillary sphere), Hoàng đạo kinh vĩ nghi (Ecliptic armillary sphere), Địa bình kinh nghi (Horizon circle), Kỉ hạn nghi (Sextant), Tượng hạn nghi (Quadrant) và Thiên thể nghi (Celestial globe) [19, tr.161-170], [17, tr.44], [9, tr.451-452]. Tiếp sau đó, từ năm 1713 đến năm 1715, thừa sai người Đức Kilianus Stumpf cũng đã giúp Khâm Thiên giám chế tạo một loại Địa bình kinh vĩ nghi (Horizon circle) mới, trên cơ sở kết hợp công năng của hai dụng cụ Tượng hạn nghi (Quadrant) và Thiên thể nghi (Celestial globe) được sử dụng trước đó, hay giáo sĩ người Đức Ignaz Kögler và Augustin Ferdinand von Hallerstein làm việc tại Khâm Thiên giám dưới thời Càn Long đã cải tiến Hồn Thiên nghi (Armillary sphere) - một khí cụ trắc lượng vị trí thiên thể truyền thống của Trung Quốc thành Cơ hoành phủ thần nghi (Elaborate equatorial armillary sphere) trong khoảng thời gian từ 1746 đến

1754 [3, tr.184-196], nhằm mở rộng công năng và nâng cao độ chính xác trong quan trắc thiên văn.

Bên cạnh đó, lập các bảng sao (catalogue of stars) - một công việc thường xuyên được các nhà thiên văn ở phương Tây tiến hành, nhưng không thực sự phổ biến trong các nền thiên văn học ở phương Đông cũng được tìm thấy ở Khâm Thiên giám triều Thanh trong các thế kỉ XVII, XVIII. Công việc thiên văn này chắc chắn do các giáo sĩ dòng Tên mang đến Trung Quốc và chính họ cũng giữ vai trò chủ đạo trong quá trình trắc lượng, tính toán và tạo ra các bảng sao, mà thông qua đó người Trung Quốc có thể mở mang và tiếp nhận không ít tri thức thiên văn học phương Tây. Trên thực tế, từ năm 1669 đến năm 1673, tại Khâm Thiên giám triều Thanh, giáo sĩ Ferdinand Verbiest đã cùng 31 nhà thiên văn và học giả Trung Quốc hợp soạn bộ *Linh Đài nghi tượng chí* 灵台仪象志, trong đó từ quyển 5 đến quyển 14 in rõ tọa độ xích đạo (Equatorial coordinate) và tọa độ hoàng đạo (Ecliptic coordinate) của hơn 1870 hằng tinh (fixed star) [17, tr.44]. Trong hơn nửa thế kỉ sau đó (1675-1743), bảng sao này đã giữ một vai trò cực kì quan trọng, trở thành nền tảng trong việc tính toán các hiện tượng tinh tú tại Khâm Thiên giám triều Thanh. Tuy nhiên, đến năm 1744, do phát hiện số liệu ghi chép vị trí các hằng tinh (fixed star) trong bộ sách *Linh Đài nghi tượng chí* không chính xác, nên triều Thanh đã giao nhiệm vụ cho vị giáo sĩ dòng Tên người Đức Ignaz Kögler - Giám chính Khâm Thiên giám thời bấy giờ cùng với 26 vị quan thiên văn và học giả Trung Quốc làm việc tại cơ quan thiên văn này tiến hành tính toán, sửa chữa, hiệu chỉnh, bổ sung cho tinh biểu do Ferdinand Verbiest lập trong giai đoạn 1669-1673 và biên soạn thành bộ *Nghi tượng khảo thành* 仪象考成, gồm 32 quyển, trong đó có đến 30 quyển là các bảng sao, liệt kê 300 chòm sao và ghi chép cụ thể số liệu tọa độ xích đạo và tọa độ hoàng đạo của 3083 ngôi sao cũng như tuế sai (axial precession) và tinh đẳng (magnitude) của chúng [17, tr.45].

2.3. Biên soạn và phiên dịch thư tịch thiên văn phương Tây sang Hán văn

Bảng 1. Một số thư tịch thiên văn tiêu biểu do các thừa sai dòng Tên ở Trung Quốc phiên dịch hoặc biên soạn bằng tiếng Trung giai đoạn cuối Minh đầu Thanh (thế kỉ XVII- XVIII)

TT	Tên giáo sĩ Dòng Tên	Số lượng	Tên tác phẩm thiên văn
----	----------------------	----------	------------------------

Khi đặt chân đến Trung Quốc truyền giáo, các thừa sai dòng Tên nhận thấy rằng, đây là một dân tộc có nền văn hóa và giáo dục phát triển lâu đời. Người Trung Quốc, đặc biệt là vua chúa, quan lại, trí thức trong xã hội đương thời rất coi trọng học thuật và thư tịch, kinh điển. Chính điều này đã khiến cho các thừa sai dòng Tên nghĩ đến một phương thức truyền giáo độc đáo - “*thư tịch truyền giáo*” 书籍传教, tức tiến hành phiên dịch hoặc biên soạn một số sách vở liên quan đến khoa học kĩ thuật phương Tây, trong đó có thiên văn học, để phục vụ cho quá trình truyền giáo của mình. Trên thực tế, từ đầu thế kỉ XVII cho đến cuối thế kỉ XVIII, không ít sách vở thuộc nhiều lĩnh vực khoa học kĩ thuật khác nhau của phương Tây được các nhà truyền giáo dòng Tên biên soạn hoặc phiên dịch sang tiếng Trung [15, tr.482], tuy nhiên, số lượng nhiều nhất vẫn là thiên văn học với 89 bộ⁵, chiếm đến hai phần ba tổng số các thư tịch khoa học kĩ thuật được biên soạn và phiên dịch đương thời [8, tr.83]. Trong đó, có thể kể ra một số công trình biên soạn và dịch thuật sách thiên văn phương Tây sang tiếng Hán của các nhà truyền giáo dòng Tên tiêu biểu ở Trung Quốc trong giai đoạn cuối Minh đầu Thanh sau đây:

⁵Theo thống kê của tác giả Mã Chấn Đào 马振涛, từ năm 1584 đến năm 1790, số lượng các thư tịch khoa học kĩ thuật phương Tây được các nhà truyền giáo dòng Tên dịch sang tiếng Hán là 137 quyển, trong đó toán học 20 quyển (14.6%), thiên văn 89 quyển (65%), vật lí 6 quyển (4.4%), sinh vật và y học 8 quyển (5.8%), khoa học quân sự 8 quyển (5.8%), loại sách ghi chép nhiều lĩnh vực 3 quyển (2.2%). Trong một công trình nghiên cứu của mình, tác giả Hồ Tiên Viên 胡先媛 đã tiến hành thống kê trên nhiều lĩnh vực hơn, tuy nhiên, vị trí đứng đầu về số lượng của thư tịch thiên văn học phương Tây được dịch sang tiếng Trung trong các thế kỉ XVI, XVII, XVIII so với các lĩnh vực khoa học kĩ thuật khác vẫn không có gì thay đổi [8, tr.83], [5, tr.78], [1, tr.309-388].

1	Matteo Ricci	3	Cần khôn thể nghĩa (乾坤体义); Kinh thiên cai (经天该); Hỗn cái thông hiến đồ thuyết (浑盖通宪图说)
2	Johann Adam Schall von Bell	18	Sùng Trinh lịch thư (崇祯历书); Hỗn thiên nghi thuyết (浑天仪说); Cổ kim giao thực khảo (古今交食考); Tây dương trắc nhật lịch (西洋测日历); Tinh đồ (星图); Giao thực lịch chỉ (交食历指); Giao thực biểu (交食表); Trắc thực thuyết (测食说); Trắc thiên ước thuyết (测天约说); Lịch pháp tây truyền (历法西传); Tân pháp lịch dẫn (新法历引); Học lịch tiểu biện (学历小辩); Hằng tinh biểu (恒星表); Hằng tinh lịch chỉ (恒星历指); Hằng tinh xuất một (恒星出没); Tân pháp hiểu hoặc (新法晓惑); Tân pháp biểu dị (新法表异); Dân lịch bổ chú giải hoặc (民历补注解惑)
3	Ferdinand Verbiest	12	Trắc nghiệm ki lược (测验纪略); Nghi tượng chí (仪象志); Nghi tượng đồ (仪象图); Khang Hy vĩnh niên lịch pháp (康熙永年历法); Xích đạo nam bắc tinh đồ (赤道南北星图); Giản bình quy tổng tinh đồ (简平规总星图); Nhật xuất thời khái biểu (日出时刻表); Lịch pháp bất đắc dĩ biện (历法不得已辩); Vọng chiêm biện 妄占辩; Vọng trạch biện 妄择辩; Vọng suy các hung chi biện (妄推吉凶之辩); Hy triều định án (熙朝定案)
4	Johann Schreck	3	Trắc thiên ước thuyết (测天约说); Hoàng xích cự độ biểu (黄赤距度表); Chính cầu thăng độ biểu (正球升度表)
5	Sabatino de Ursis	2	Biểu độ thuyết (表度说); Giản bình nghi thuyết (简平仪说)
6	Emmanuel Diaz, Junior	1	Thiên vấn lược (天问略)
7	Philippus Maria Grimaldi	1	Phương tinh đồ giải (方星图解)
8	Giacomo Rho	7	Nguyệt ly biểu (月离表); Nguyệt ly lịch chỉ (月离历指); Nhật triền biểu (日躔表); Nhật triền lịch chỉ (日躔历指); Nhật triền trú dạ khắc phân (日躔考昼夜刻分); Ngũ vĩ biểu (五纬表); Ngũ vĩ lịch chỉ (五纬历指)
9	Nicolas Smogolenski	1	Thiên bộ chân nguyên (天步真原)
10	Ludovic Bugli	1	Tây lịch niên nguyệt (西历年月)
11	Ignaz Kögler	1	Lịch tượng khảo thành (历象考成)

Nguồn: [20, tr.77-79], [15, tr.230-318]

Việc biên soạn và phiên dịch thư tịch thiên văn học phương Tây sang Hán văn của các thừa sai dòng Tên hoạt động tại Trung Quốc trong các thế kỉ XVII, XVIII thông thường được tiến hành theo phương pháp: các

giáo sĩ dùng lời nói diễn đạt nội dung kiến thức thiên văn và các nhân sĩ, trí thức người Trung Quốc tiến hành ghi chép lại [11, tr.180]. Chính sự kết hợp đó đã khiến cho các trí thức thiên văn học phương Tây có điều kiện

được người Trung Quốc, chí ít là lực lượng trực tiếp cùng với các nhà truyền giáo đương thời thực hiện công việc biên soạn và phiên dịch tiếp nhận. Trên thực tế, các thư tịch thiên văn do thừa sai dòng Tên ở Trung Quốc biên soạn và phiên dịch sang Hán văn trong các thế kỉ XVII, XVIII đã được vua chúa, quan lại, trí thức nước này đón nhận và trở thành nền tảng lí luận, cơ sở khoa học cho việc tính toán lịch pháp, quan trắc, nghiệm chứng các hiện tượng thiên văn, thiên tượng tại Khâm Thiên giám hai triều Minh, Thanh. Đó chính là một trong những biểu hiện tương đối tập trung và sâu sắc của sự tiếp nhận thiên văn học phương Tây ở Trung Quốc, thông qua hệ thống công trình do giáo sĩ dòng Tên biên soạn và dịch thuật đương thời tại nước này.

3. Kết luận

Từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XVIII, quá trình giao lưu văn hóa Đông-Tây ở Trung Quốc đã đạt được những kết quả khả quan, với sự du nhập của hàng loạt các thành tựu khoa học kĩ thuật phương Tây, trong đó, thiên văn học là một trong những lĩnh vực nổi bật nhất. Điều đáng nói là quá trình này gắn liền với tên tuổi, vai trò và công lao của các thừa sai dòng Tên cũng như đường lối “*học thuật truyền giáo*” do họ đề ra và áp dụng trong các thế kỉ XVII, XVIII. Trên thực tế, để thực hiện mục đích thu hút các giai tầng trong xã hội Trung Quốc, đặc biệt là vua chúa, quan lại và trí thức tin theo Thiên Chúa giáo, thừa sai dòng Tên thông qua nhiều phương thức khác nhau đã giới thiệu cho các lực lượng xã hội nói trên không ít thành tựu cũng như kiến thức khoa học kĩ thuật phương Tây, trong đó có thiên văn học. Chính vì vậy, cùng với việc đạt được mục đích truyền giáo, các thừa sai hội dòng này cũng đồng thời đón nhận một kết quả tất yếu trên phương diện giao lưu văn hóa, đó chính là các thành tựu thiên văn học phương Tây đã từng bước du nhập vào Trung Quốc thông qua các hoạt động sửa chữa và biên soạn lịch thư; thiết kế, chế tạo, cải tiến dụng cụ thiên văn; lập và sửa chữa các bảng sao cũng như biên soạn và phiên dịch thư tịch thiên văn phương Tây sang Hán văn của các giáo sĩ dòng Tên và ở một mức độ nhất định đã được người Trung Quốc tiếp nhận. Mặc dù như vậy, nhưng đối với một quốc gia có lịch sử hình thành và phát triển thiên văn học khá lâu đời như Trung Quốc, thì ngay từ đầu, dù cho thiên văn học phương Tây có thể hiện được ưu thế vượt trội về tính khoa học và sự chính xác, thì nó vẫn không thể thay thế

hoàn toàn hoặc thể hiện sự thắng thế tuyệt đối so với nền tảng thiên văn học truyền thống, đã được vận dụng từ rất lâu đời ở nước này. Trên thực tế, các vua chúa, quan lại cũng như trí thức Trung Quốc mặc dù thể hiện sự cởi mở và cầu thị của mình trong việc tiếp thu các thành tựu thiên văn học phương Tây, tuy nhiên, họ cũng không hoàn toàn từ bỏ mà vẫn tiếp tục gìn giữ và duy trì việc sử dụng các kiến thức thiên văn truyền thống. Trong quá trình tồn tại song song và được sử dụng đồng thời như vậy, thiên văn học phương Tây và nền tảng thiên văn truyền thống của Trung Quốc đã không thể tránh khỏi những va chạm, mâu thuẫn. Và chính điều đó đã ảnh hưởng nhất định đến kết quả tiếp nhận thiên văn học phương Tây ở nước này từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XVIII.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bernard, Henri (1945). “Les Adaptations Chinoises D'ouvrages Europeens: Bibliographie Chronologique Depuis la Venue des Portugais à Canton Jusqu'à la Mission Française de Pékin 1514-1688”. *Monumenta Serica*, 10.
- [2] 方豪 (1966). *李之藻研究*. 商务印书馆, 台北.
- [3] 潘鼐 (2005). *中国古天文仪器史*. 山西教育出版社, 太原.
- [4] Hetherington, Edith W., Hetherington, Norriss S. (2009). *Astronomy and Culture*. Santa Barbara: Greenwood Press.
- [5] 胡先媛 (1996). 从“明清间耶稣会士译著提要”看中西学术交流. *四川图书馆学报*, 第06期.
- [6] 刘耘华 (2003). 利玛窦等早期传教士的学术传教策略及其文化意义. *天津社会科学*, 第06期.
- [7] 梁启超 (2001). *中国近三百年学术史*, 山西古籍出版社, 太原.
- [8] 马振涛 (2010). “西学东渐”与“东学西渐”明末清初传教士科技翻译的历史文化语境. *语文学刊*, 第08期.
- [9] Needham, Joseph, Ling, Wang (1959). *Science and Civilisation in China*, 3, Cambridge University Press.
- [10] Pfister, Louis (1934). *Notices biographiques et bibliographiques sur les jésuites de l'ancienne mission de Chine*, Vol. II, Shanghai: Imprimerie de la Mission catholique.

- [11] 钱存训, 戴文伯 (1986). 近世译书对中国现代化的影响. *文献*. 第02期.
- [12] 史静寰 (1983). 谈明清之际入华耶稣会士的學術傳教. *內蒙古師大學報*, 第03期.
- [13] 宋军令 (2006). 明末历局与西学东渐. *信陽师范学院学报 (哲学社口科学版)*, 第04期.
- [14] 徐光启撰, 王重民辑校 (1984). *徐光启集 (下册)*. 上海古籍出版社, 上海.
- [15] 徐宗泽 (1949). *明清间耶稣会士著译提要*. 上海书店出版社, 上海.
- [16] 許嘉璐 (2004). *二十四史全譯 (第03册)*. 漢語大詞典出版社, 上海.
- [17] 姚傳森 (2004). 清代欽天監的天文工作. *廣西民族學院學報 (自然科學版)*, 第02期.
- [18] 楊豔萍 (2002). 欽天監裏的傳教士. *文史知識*, 第04期.
- [19] 张柏春 (2000). *明清测天仪器之欧化: 十七、十八世纪传入中国的欧洲天文仪器技术及其历史地位*. 辽宁教育出版社, 沈阳.
- [20] 朱谦之 (2002). *朱谦之文集 (第07卷)*. 福建教育出版社, 福州.

PROCESS OF RECEIVING WESTERN ASTRONOMY IN CHINA FROM THE XVII CENTURY TO THE XVIII CENTURY

Abstract: From the seventeenth century to the eighteenth century, in an effort to introduce and develop Christianity in China, Western missionaries, especially the Jesuit missionaries found an effective way to realize this purpose. (It was European scientific and technological achievements that could satisfy the curiosities and desires of the King, mandarins and clerics. They were curious about a bunch of new things out there and those could attract more and more social forces' attention.) That was to use European scientific and technological achievements in order to satisfy the curiosity as well as desire to learn new knowledge of kings, mandarins and intellectuals in China, thereby they hoped to successfully attract the said social forces to follow the way, which created a unique phenomenon: Christianity gradually entered the heart of nation of China along with the process of receiving Western scientific and technological achievements in this country. In particular, astronomy is one of the most typical fields. On the basis of exploiting the original historical data source and study achievements of Chinese and international scholars as well as combining the application of the study method system of historical science with other methods, the article thoroughly analyzes the process of receiving the Western astronomy in China from the seventeenth century to the eighteenth century. Thereby, the paper has made specific contributions to the study of the history of East-West cultural exchange in China in the seventeenth and eighteenth centuries.

Key words: astronomy; The West; China; Christianity; Society of Jesus; mission; missionary.